

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG GIẢM THIỂU BẤT BÌNH ĐẲNG VỀ CƠ HỘI GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM

LÊ THỊ VINH*

Tóm tắt: Trong những năm gần đây, bất bình đẳng là chủ đề được quan tâm bởi tác động tiêu cực của bất bình đẳng đối với sự phát triển của xã hội. Trong các chủ đề nghiên cứu về bất bình đẳng, bất bình đẳng về giáo dục thu hút được sự quan tâm của nhiều học giả từ nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau. Qua phân tích và tổng hợp các tài liệu, dữ liệu về bất bình đẳng trong giáo dục ở Việt Nam, từ góc độ tiếp cận triết học, bài viết khảo cứu vai trò của Nhà nước trong đảm bảo bình đẳng về cơ hội giáo dục. Bài viết gồm hai nội dung chính: thứ nhất, thực trạng vai trò của Nhà nước trong giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội giáo dục; thứ hai, một số khuyến nghị giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà nước trong nỗ lực giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội giáo dục ở Việt Nam hiện nay. Tác giả khẳng định rằng, giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội giáo dục là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước trong đảm bảo phân phối công bằng cơ hội phát triển nhằm đạt được mục tiêu công bằng xã hội và phát triển bền vững. Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở “Bất bình đẳng về giáo dục giữa miền núi và đồng bằng ở Việt Nam hiện nay” (Mã số: CS.2021.14) thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Từ khóa: Bất bình đẳng trong giáo dục, cơ hội giáo dục, vai trò của Nhà nước.

Abstract: In recent years, inequality has become the central topic of many socio-economic forums because of the negative impact of inequality on development. Among the research topics on inequality, inequality in education has attracted the attention of many scholars from many different research fields. Through analysis and synthesis of documents and data on inequality in education in Vietnam and from the perspective of philosophy, the article examines the role of the State in assuring equality of educational opportunity. This article discusses two main contents: (1) the implementation of the State's role in reducing inequality of educational opportunities; (2) some recommendations to help improve the State's performance in efforts to reduce inequalities of educational opportunities in Vietnam today. The article is the result of the grassroots scientific research project "Equality in education between mountainous areas and plains in Vietnam today" (Code: CS.2021.14) of the University of Science. Society and Humanities, Hanoi National University.

Keywords: Inequality in education, educational opportunity, the role of the State.

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

1. Đặt vấn đề

Xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh là mục tiêu mà Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam hướng tới. Với tư cách là chủ thể quản lý vĩ mô mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, Nhà nước Việt Nam đã có nhiều nỗ lực và đạt những thành tựu quan trọng trong phân phối công bằng cơ hội phát triển. Giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội nói chung, bất bình đẳng về cơ hội giáo dục nói riêng là một trong những nỗ lực đó. Trên cơ sở đánh giá thực trạng vai trò của Nhà nước trong giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội giáo dục, bài viết này đưa ra một số khuyến nghị giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà nước trong nỗ lực giảm thiểu bất bình đẳng về giáo dục ở Việt Nam hiện nay.

2. Bất bình đẳng về cơ hội giáo dục và thực trạng hiện nay

Bất bình đẳng về cơ hội giáo dục là một khía cạnh của bất bình đẳng về cơ hội phát triển. Đây là vấn đề thu hút được sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà khoa học và các nhà quản lý từ nhiều lĩnh vực khác nhau. Nhìn chung, có hai cách tiếp cận trong nghiên cứu về bất bình đẳng về cơ hội, bao gồm cách tiếp cận trước (ex-ante) và cách tiếp cận sau (ex-post). Cách tiếp cận sau tập trung vào sự khác biệt giữa các cá nhân về thành tựu của họ nhờ vào việc phát huy nỗ lực cá nhân. Cách tiếp cận trước tập trung vào sự khác biệt giữa các thành tựu tiềm năng ở các tập hợp cá nhân có cùng những đặc trưng về hoàn cảnh. Theo Marc Fleurbaey và Vito Peragine, cách tiếp cận này thường được xem là tập trung nhiều hơn vào bất bình đẳng giữa các nhóm xã hội được xác định bởi những đặc trưng nhất định về hoàn cảnh của họ (Nguyễn Xuân Mai & Trịnh Thái Quang, 2013, tr.61). Nghiên cứu này lựa chọn cách tiếp cận trước (ex-ante) để xem xét các biểu hiện của bất bình đẳng về cơ hội giáo dục ở Việt Nam.

Ở Việt Nam có nhiều công trình nghiên cứu về bất bình đẳng cơ hội trong giáo dục. Bất bình đẳng về cơ hội giáo dục (Inequality of Educational Opportunity – IEO) được đo lường thông qua chỉ số phân hóa (chỉ số chênh lệch) giữa các nhóm cơ sở xã hội (social background - tất cả những yếu tố kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến giáo dục đạt được của cá nhân) khác nhau, khi khảo cứu hai nhóm yếu tố là: nguồn gốc gia đình và môi trường xã hội (Đỗ Thiên Kính, 2005, tr.49).

Nguyễn Xuân Mai và Trịnh Thái Quang nhận định: bất bình đẳng cơ hội trong giáo dục thể hiện thông qua sự khác biệt trong khả năng tiếp cận giáo dục giữa các nhóm có hoàn cảnh khác nhau như: giữa người giàu - người nghèo, giữa khu vực đô thị - nông thôn, giữa dân tộc thiểu số - dân tộc đa số, giữa đồng bằng - miền núi, hải đảo, nhóm di cư và không di cư, giữa các giới, ... Một số nhân tố vĩ mô tác động đến bất bình đẳng cơ hội giáo dục bao gồm thể chế và quản trị xã hội, thị trường, điều kiện tự nhiên và biến đổi khí hậu (Nguyễn Xuân Mai & Trịnh Thái Quang, 2013, tr.64,72). Theo Nguyễn Thị Thanh Hương (2011, tr.50-55), các nguyên nhân cơ bản phát sinh và tồn tại của sự khác biệt trong việc tiếp cận các cơ hội trong giáo dục ở các địa phương và vùng miền của Việt Nam bao gồm: điều kiện sống gia đình; trình độ học vấn của cha mẹ học sinh; ảnh hưởng từ văn hóa, lối sống, phong tục, tập quán; sự khác biệt về cơ sở vật chất trường lớp. Nghiên cứu này, chúng tôi hiểu bất bình đẳng về cơ hội giáo dục là tình trạng khác biệt trong khả năng tiếp cận giáo dục giữa các nhóm xã hội do những khác biệt về điều kiện thừa hưởng. Hiện nay tồn tại bất bình đẳng

về cơ hội giáo dục giữa miền núi với đồng bằng, giữa nông thôn với thành thị, giữa các tộc người, giữa các giới, giữa các nhóm thu nhập... Có nhiều nguyên nhân dẫn đến bất bình đẳng về cơ hội giáo dục, trong đó, vận dụng nguyên tắc phương pháp luận duy vật lịch sử, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến nguyên nhân từ bất bình đẳng về kinh tế. Chúng tôi ủng hộ quan điểm cho rằng cần giảm bớt bất bình đẳng về cơ hội bằng chính sách xã hội hợp lý. Điều này khẳng định vai trò quan trọng của Nhà nước trong đảm bảo bình đẳng về cơ hội giáo dục.

3. Thực trạng vai trò của Nhà nước trong giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội giáo dục ở Việt Nam hiện nay

Giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội giáo dục là nhiệm vụ quan trọng nhằm đảm bảo phân phối công bằng cơ hội phát triển, công bằng xã hội thuộc chức năng xã hội của nhà nước. Bình đẳng về cơ hội phát triển là điều kiện cơ bản cho một xã hội công bằng. Khẳng định nhà nước có vai trò quan trọng trong đảm bảo công bằng xã hội, trong đó có bình đẳng về cơ hội, đã đạt được đồng thuận cao trong giới nghiên cứu. Rawls (1999, tr.243) cho rằng chính phủ với các chính sách, pháp luật của mình có vai trò đảm bảo bình đẳng về cơ hội giáo dục và văn hóa cho mọi người cũng như sự bình đẳng về cơ hội trong các hoạt động kinh tế và trong việc tự do lựa chọn nghề nghiệp. Amartya Sen (2000, tr.142-143) khẳng định vai trò quan trọng của các chính sách công thích hợp trong việc tạo ra các cơ hội xã hội cơ bản nhằm đạt được bình đẳng và công bằng xã hội. Trong khi một số người cảm thấy hoang mang trước vai trò mới của chính phủ thì Thomas Piketty, trong cuốn sách *Tư bản thế kỷ 21*, khẳng định: “Ngày nay xét về nhiều phương diện. Nhà nước có ảnh hưởng hơn bao giờ hết” (Piketty, 2021, tr.588).

Theo lý thuyết về vị trí - vai trò xã hội, vai trò là những đòi hỏi của xã hội đặt ra đối với các vị thế xã hội. Vị thế xã hội là vị trí xã hội gắn với những trách nhiệm và những quyền hạn kèm theo (Mai Thị Kim Thanh, 2011, tr.48-49). Theo đó, vai trò của Nhà nước được hiểu là những đòi hỏi của xã hội đặt ra đối với Nhà nước. Như vậy, mức độ đáp ứng của Nhà nước đối với những đòi hỏi của xã hội đặt ra là tiêu chí để đánh giá vai trò của Nhà nước. Việc xác định, đánh giá vai trò của Nhà nước trong giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội giáo dục phải dựa trên cơ sở đánh giá thực trạng bất bình đẳng về cơ hội tiếp cận giáo dục ở Việt Nam hiện nay như là sự phản ánh hiệu quả của các chính sách xã hội liên quan do Nhà nước ban hành với tư cách là chủ thể quản lý vĩ mô mọi mặt của đời sống xã hội.

Tuy nhiên, nghiên cứu này, không trực tiếp khảo sát thực trạng bất bình đẳng về cơ hội giáo dục ở Việt Nam, mà chủ yếu dựa trên kết quả nghiên cứu của các học giả đi trước để đánh giá thực trạng thực hiện vai trò của Nhà nước trong giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội giáo dục.

Nhà nước Việt Nam đã có nhiều nỗ lực và đạt được những kết quả đáng kể trong việc thực hiện vai trò tạo lập thể chế nhằm đảm bảo bình đẳng về giáo dục. Điều này được thể hiện trước hết qua những cam kết quốc tế Việt Nam đã ký kết và chính sách, pháp luật quốc gia công nhận quyền được hưởng giáo dục của tất cả mọi người.

Giáo dục cho mọi người (Education for all) là mục tiêu được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) đặt ra từ năm 1945. Năm 1948, quyền giáo

được đề cập trong Tuyên ngôn nhân quyền thế giới (1948): Theo đó “Ai cũng có quyền được hưởng giáo dục” (Điều 26), sau đó được cụ thể hóa trong Công ước Quốc tế về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966 (ICESCR) (Điều 13, Điều 14) và nhiều tuyên bố thế giới khác về giáo dục (UNESCO PRESS, 2010; Đặng Thị Minh, 2012, tr.19). Tháng 9/2015, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã thông qua *Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững* gồm 17 mục tiêu. Trong đó, mục tiêu số 4 “Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người” (SDG 4) khẳng định vai trò quan trọng của giáo dục trong chấm dứt đói nghèo, đảm bảo sự thịnh vượng cho tất cả mọi người (Bảo Yến, 2020; Liên Hợp Quốc, 2015). Theo đó tất cả mọi người đều có cơ hội tìm hiểu và hưởng lợi từ giáo dục cơ bản – đây không phải là một đặc ân mà là quyền cơ bản của con người. Tinh thần này đã được thể hiện rõ trong Hiến pháp, pháp luật và nhiều chính sách xã hội của Việt Nam.

Giáo dục luôn có vị trí đặc biệt quan trọng trong các chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Kế thừa và phát triển chính sách giáo dục nhất quán của Đảng và Nhà nước từ khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “1. Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. 2. Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn đầu tư khác cho giáo dục; chăm lo giáo dục mầm non; bảo đảm giáo dục tiểu học là bắt buộc, Nhà nước không thu học phí; từng bước phổ cập giáo dục trung học; phát triển giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; thực hiện chính sách học bổng, học phí hợp lý. 3. Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; ưu tiên sử dụng, phát triển nhân tài; tạo điều kiện để người khuyết tật và người nghèo được học văn hóa và học nghề” (Điều 61).

Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách nhằm giải quyết vấn đề bất bình đẳng cơ hội tiếp cận giáo dục và giảm chênh lệch trong kết quả giáo dục giữa các vùng, miền; giữa nông thôn - thành thị; giữa các nhóm dân tộc; giữa các nhóm kinh tế xã hội. Bên cạnh đó, còn rất nhiều chương trình, dự án khác nhau của địa phương, của các tổ chức quốc tế, tổ chức trong nước đã được thực hiện tại nhiều vùng, miền khó khăn để hỗ trợ trẻ em đến trường (Lê Thị Đan Dung, 2011, tr.26; Đào Thị Minh Hương, 2019, tr.13; Đào Thị Tùng, 2018). Các chính sách này là sự cụ thể hóa chủ trương giáo dục cho mọi người của Đảng và Nhà nước, có ý nghĩa quan trọng trong việc hỗ trợ và tạo cơ hội tiếp cận giáo dục cho những người yếu thế trong xã hội.

Với nỗ lực mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục cho tất cả mọi người của Đảng và Nhà nước, Việt Nam đã đạt được thành tựu đáng kể trong giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội giáo dục. Mức độ bình đẳng về cơ hội tiếp cận giáo dục là khá cao về số lượng (Nguyễn Xuân Mai & Trịnh Thái Quang, 2013, tr.64). Kết quả Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2018 cho thấy tỷ lệ đi học đúng tuổi các cấp có xu hướng tăng qua các năm, đặc biệt ở cấp trung học phổ thông. Xét trên phạm vi cả nước, tỷ lệ đi học đúng tuổi bậc tiểu học năm 2008 là 88,3%, trung học cơ sở là 78,4%, trung học phổ thông là 54,2%. Các con số này tăng lên 93,0% - 84,4% - 63,1% vào năm 2014 và đạt 97,3% - 92,1% - 72% năm 2018 (Tổng cục Thống kê, 2019, tr.140). Mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo được mở rộng về quy mô; giáo dục và đào tạo ở những vùng khó khăn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số được chú trọng (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.62). Các loại hình trường và phương thức cung ứng

được đa dạng hóa tạo ra nhiều cơ hội lựa chọn hơn trong lĩnh vực giáo dục cho người dân (Đào Thị Minh Hương, 2017, tr.6).

Tuy nhiên, kết quả của nhiều nghiên cứu và khảo sát cho thấy ở Việt Nam hiện nay vẫn còn có bất bình đẳng về cơ hội giáo dục. Theo Kết quả Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2018 (Tổng cục Thống kê, 2019, tr.12), có 16,9% dân số từ 15 tuổi trở lên không có bằng cấp hoặc chưa bao giờ đến trường; 20,2% tốt nghiệp tiểu học; 28,3% tốt nghiệp THCS; 16,3% tốt nghiệp THPT; 18,3% có bằng cấp nghề hoặc cao đẳng, đại học trở lên. Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên chưa bao giờ đến trường hoặc không có bằng cấp của nhóm hộ nghèo nhất là 34,6%, gấp 5,3 lần so với nhóm hộ giàu nhất; của nữ giới là 20,6%, gấp 1,6 lần so với của nam giới. Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có bằng cao đẳng, đại học và trên đại học cũng có khoảng cách đáng kể giữa hai nhóm hộ nghèo nhất và nhóm hộ giàu nhất với số liệu lần lượt là 1,0% so với 25,7%.

Nói chung, một bộ phận trong xã hội vẫn chưa được hưởng lợi đầy đủ quyền giáo dục, vẫn còn sự chênh lệch trong việc tiếp cận các dịch vụ giáo dục và hưởng lợi từ những chính sách hỗ trợ giáo dục của Nhà nước. Sự tương phản trong kết quả giáo dục giữa các vùng đô thị và nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa với đồng bằng; bất bình đẳng trong tiếp cận cơ hội giáo dục giữa các dân tộc khác nhau trên lãnh thổ Việt Nam còn tồn tại (Nguyễn Thị Thanh Hương, 2011, tr.49). Đan xen với những chiều cạnh bất bình đẳng cơ hội giáo dục này, bất bình đẳng giới trong tiếp cận giáo dục là vấn đề cần quan tâm giải quyết. Ảnh hưởng bởi quan niệm trọng nam trong gia đình và dòng họ, do các chuẩn mực về giới bó buộc với vai trò làm mẹ và nội trợ, nhiều thế hệ phụ nữ Việt Nam chịu thiệt thòi trong khả năng tiếp cận giáo dục để nâng cao trình độ và các cơ hội phát triển. Ngày nay, mặc dù đã có khung pháp lý hỗ trợ và nhận thức của xã hội về bình đẳng giới đã được cải thiện nhiều, vị thế của người phụ nữ trong gia đình và xã hội cũng được nâng cao, nhưng nhìn chung, phụ nữ vẫn ở vị trí thiệt thòi so với nam giới (Nhóm Phân tích Kinh tế, 2019, tr.94). Trên thực tế, tình trạng bất bình đẳng giới về giáo dục vẫn khá nghiêm trọng, đặc biệt là ở cộng đồng các dân tộc thiểu số. Phụ nữ và trẻ em gái dân tộc thiểu số khó tiếp cận giáo dục và đào tạo, nhất là ở các bậc học cao (Bùi Thị Hòa, 2020; Nhóm Phân tích Kinh tế, 2019, tr.108). Cơ hội tiếp cận đào tạo nghề dài hạn của nữ vẫn thấp hơn nam (Nguyễn Xuân Mai & Trịnh Thái Quang, 2013, tr.66) ... Thực trạng này phản ánh hiệu quả của các chính sách phát triển giáo dục cho mọi người chưa đạt được kết quả mong muốn. Điều này cũng đã được một số công trình nghiên cứu chỉ ra.

Theo Lê Thị Đan Dung (2011, tr.26), các chính sách giáo dục vẫn còn bộc lộ những điểm bất cập, ảnh hưởng đến việc tiếp cận giáo dục của người dân, ví dụ như một số chính sách chỉ dành cho một số đối tượng nhỏ hẹp. Các chính sách hỗ trợ học bổng, miễn giảm học phí mới chỉ áp dụng với học sinh vùng dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn. Việc vay vốn cũng chỉ được áp dụng đối với hộ nghèo. Trong khi thực tế hiện nay là số hộ khó khăn (không phải hộ nghèo) ở trên cả nước vẫn còn chiếm tỷ lệ lớn, và việc không được là đối tượng hưởng một chính sách nào đã dẫn đến việc hạn chế cơ hội giáo dục đối với những gia đình khó khăn. Việc triển khai một số chính sách có lúc, có nơi còn chậm trễ, thiếu đồng bộ và chưa nghiêm túc. Chẳng hạn như một số chương trình và chính sách mới dừng lại ở số lượng và chưa giải quyết được những khó khăn liên quan đến văn hóa, phong tục và đặc biệt là nhu cầu thiết yếu hàng ngày của học sinh dân tộc thiểu số (Hong Anh Vu, 2010, tr.24).

Một số chính sách đối với giáo viên, nhân viên, học sinh vùng dân tộc thiểu số khó khăn vẫn còn hạn chế, bất cập về đối tượng được hưởng, định mức, thời gian hưởng, phương thức hỗ trợ... (Đào Thị Tùng, 2018).

Như vậy, có thể nói Nhà nước đã xây dựng khuôn khổ pháp lý cơ bản cho giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội giáo dục, tuy nhiên Nhà nước chưa tạo dựng được cơ sở xã hội - kinh tế vững chắc để giảm thiểu bất bình đẳng cơ hội giáo dục hiệu quả trên thực tế. Nói cách khác, những bất cập, hạn chế nêu trên trong hoạch định và thực thi các chính sách phát triển giáo dục ở Việt Nam, thêm vào đó là thiếu cơ sở bình đẳng về kinh tế, đã dẫn đến hiệu quả giải quyết vấn đề bất bình đẳng về giáo dục chưa được như kỳ vọng. Thực trạng này đặt ra yêu cầu Nhà nước cần nỗ lực hơn nữa trong thực hiện vai trò giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội giáo dục ở Việt Nam hiện nay.

4. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà nước trong giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội giáo dục ở Việt Nam

Thứ nhất, nâng cao chất lượng và hiệu quả thực thi chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển giáo dục

Một là, về công tác hoạch định chính sách. Để giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội giáo dục, việc hoạch định chính sách phát triển giáo dục của Nhà nước cần bám sát thực tiễn hơn nữa. Nhà nước cần thường xuyên rà soát các chính sách phát triển giáo dục để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Các chính sách phát triển giáo dục phải phù hợp với nhu cầu thiết thực của đối tượng thụ hưởng chính sách và trực tiếp giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc thực tế.

Chính sách giáo dục cần tính đến những khác biệt của học sinh. Giáo dục cho mọi người cũng có nghĩa là để mọi người được tiếp cận với chương trình giáo dục phù hợp với mình. Năm học 2020 – 2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo bắt đầu triển khai chủ trương “một chương trình, nhiều bộ sách giáo khoa”. Đây là chủ trương đúng đắn, cần được tiếp tục thực hiện trong thời gian tới. Việc triển khai lựa chọn sách giáo khoa phải đảm bảo thực chất, phù hợp với khả năng tiếp thu và nhu cầu của học sinh như John Dewey đã chỉ dẫn: “Chương trình học của nhà trường phải tính đến việc làm cho các môn học phù hợp với các nhu cầu của đời sống cộng đồng hiện hữu; việc lựa chọn của nó phải được thực hiện với mục đích cải thiện đời sống mà chúng ta đang chia sẻ để cho tương lai phải tốt đẹp hơn hiện tại.” (John Dewey, 2010, tr.229). Chủ trương, chính sách tạo cơ hội bình đẳng trong tiếp cận giáo dục cho mọi người sẽ đạt hiệu quả cao khi được hoạch định dựa trên nguyên tắc bám sát thực tiễn, trực tiếp giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc dẫn đến bất bình đẳng cơ hội giáo dục trên thực tế.

Hai là, về công tác thực thi chính sách. Từ thực trạng có những chính sách được hoạch định tốt và mang giá trị nhân văn nhưng khâu thực thi chưa tốt dẫn đến hiệu quả trên thực tế không cao, chúng tôi cho rằng Nhà nước cần có cơ chế tổ chức, giám sát chặt chẽ quá trình triển khai chủ trương, chính sách và đảm bảo tính đồng bộ.

Chẳng hạn, chính sách cử tuyển học sinh dân tộc tốt nghiệp trung học phổ thông vào theo học tại các trường đại học, cao đẳng không đạt được hiệu quả mong muốn do những bất

cập trong quá trình thực thi. Quy trình chọn học sinh cử tuyển chưa được tuân thủ nghiêm nên trình độ kiến thức đầu vào của một số sinh viên cử tuyển không đảm bảo dẫn đến kết quả tốt nghiệp của một số sinh viên cử tuyển thấp, khiến cho nhiều cơ quan, đơn vị không muốn tuyển dụng các cử nhân vốn là sinh viên cử tuyển vào làm việc. Thêm vào đó, nhận thức về chính sách này còn khác nhau nên một số địa phương không mặn mà khi triển khai thực hiện các chính sách này (Đào Thị Tùng, 2018).

Ngoài ra, chính sách miễn giảm học phí không có nhiều ý nghĩa trên thực tế khi có hàng loạt các khoản đóng góp khác với mức thu cao hơn nhiều lần mức học phí được miễn giảm mà các gia đình phải chi trả. Tỷ lệ đóng góp từ hộ gia đình cho giáo dục khá cao và tăng dần theo các cấp học có xu hướng làm sâu sắc thêm những bất bình đẳng hiện có về khả năng tiếp cận giáo dục do khác biệt về địa lý, ngôn ngữ, chất lượng giáo viên, cơ sở vật chất trường lớp, ... do đó làm trầm trọng thêm bất bình đẳng về các thành quả giáo dục (Đào Thị Minh Hương, 2017, tr.12). Điều này đặt ra yêu cầu đòi hỏi Nhà nước cần có cơ chế quản lý, giám sát chặt chẽ để ngăn chặn tình trạng lạm thu đang diễn ra khá phổ biến ở nhiều trường học thuộc nhiều địa phương, có như vậy thì chủ trương giáo dục phổ thông miễn phí mới thật sự có ý nghĩa. Rõ ràng, công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực thi chính sách có vai trò đặc biệt quan trọng giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà nước trong giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội giáo dục ở Việt Nam hiện nay.

Ba là, nâng cao sự tích cực, chủ động của người dân. Khi bàn về chính sách công, trung tâm cách tiếp cận của Amartya Sen là ý tưởng coi công chúng là người tham gia tích cực vào sự thay đổi, chứ không phải chỉ là người thụ động và ngoan ngoãn nhận những chỉ thị hay sự giúp đỡ được người khác ban phát cho (Amartya Sen, 2000, tr.281). Thiết nghĩ, để chính sách phát triển giáo dục thực sự đi vào đời sống thì sự chủ động thụ hưởng chính sách của người dân đóng vai trò quan trọng. Do đó, chúng tôi cho rằng để nâng cao hiệu quả thực thi chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển giáo dục cần thiết phải nâng cao năng lực nhận thức của người dân về tầm quan trọng của giáo dục đối với sự phát triển. Đây cũng là nhiệm vụ thuộc về các cấp chính quyền. Trên thực tế, những thể chế phi chính thức (những luật lệ phi chính thức, tục lệ văn hóa, chuẩn mực xã hội...) (Lê Thị Đan Dung, 2011, tr.23) có ảnh hưởng đáng kể đến nhận thức của người dân về vai trò của giáo dục đối với sự phát triển của chính họ và con em mình, từ đó tác động đến mức độ mà mọi người tận dụng được cơ hội tiếp cận giáo dục, vì vậy cần thiết phải xóa bỏ những rào cản từ các thể chế phi chính thức này dẫn đến bất bình đẳng cơ hội giáo dục.

Ví dụ, một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng bất bình đẳng giới trong tiếp cận cơ hội giáo dục, nhất là ở nhóm dân tộc thiểu số, là do quan điểm cũ cho rằng trẻ em gái không cần học hành nhiều mà chăm lo việc nhà là chủ yếu. Điều này đòi hỏi cần đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về vai trò của giáo dục đối với công tác xóa đói, giảm nghèo, nâng cao tri thức, nâng cao chất lượng cuộc sống trong vùng đồng bào dân tộc là việc làm cấp thiết. Công tác này cần có sự thống nhất từ nhận thức đến hành động của lãnh đạo các cấp từ trung ương đến địa phương nhằm thúc đẩy sự phát triển giáo dục dân tộc, tạo dựng cơ sở xã hội vững chắc để hiện thực hóa mục tiêu bình đẳng về cơ hội giáo dục ở Việt Nam hiện nay. Chúng ta cần đẩy mạnh hành động để “Đạt được bình đẳng giới; tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái” (SDG 5) trong giáo dục như là tiền đề quan trọng để phụ nữ cải thiện cuộc sống và nâng cao vị thế của mình. Đây là bước

quan trọng để hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững số 4 (SDG 4) với triết lý học tập suốt đời trong 17 mục tiêu được đưa ra trong Chương trình nghị sự của Liên hợp quốc vì phát triển bền vững toàn cầu đến năm 2030 (SDGs).

Thứ hai, Nhà nước cần đẩy mạnh giải quyết bất bình đẳng về kinh tế

Vận dụng quan điểm duy vật lịch sử của K. Marx về mối quan hệ giữa kinh tế với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, chúng tôi cho rằng để đạt tới bình đẳng về cơ hội giáo dục cần phải giải quyết vấn đề bất bình đẳng về kinh tế. Theo đó, để giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội giáo dục ở Việt Nam hiện nay Nhà nước cần đảm bảo bình đẳng về cơ hội tiếp cận các nguồn lực phát triển kinh tế như là chìa khóa để giải quyết nguyên nhân căn bản dẫn đến bất bình đẳng về cơ hội tiếp cận giáo dục: hoàn cảnh kinh tế của gia đình.

Các chủ trương, chính sách phát triển giáo dục của Nhà nước đã tạo ra nhiều cơ hội lựa chọn học tập hơn cho người dân. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, chính Amartya Sen đã cảnh báo, đôi khi nhiều tự do lựa chọn hơn có thể làm cho người ta băn khoăn khổ sở hơn (theo Đào Thị Minh Hương, 2019, tr.12). Vì vậy, Deneulin và Shahani cho rằng nâng cao chất lượng của các lựa chọn quan trọng hơn việc gia tăng số lượng các lựa chọn (đôi theo Đào Thị Minh Hương, 2019, tr.12). Thiết nghĩ, việc nâng cao chất lượng của các lựa chọn là vai trò của Nhà nước và để làm được điều này ngoài việc mở rộng hệ thống trường lớp và phương thức đào tạo thì việc tạo điều kiện phát triển kinh tế cho các hộ gia đình đảm bảo khả năng sẵn sàng đi học của con em họ có ý nghĩa quyết định.

Amartya Sen (2000, tr.85) cho rằng cần phải coi nghèo khổ như một sự bị tước đoạt những năng lực cơ bản, thiếu thu nhập có thể là một trong những nguyên nhân chính làm cho con người bị tước đoạt năng lực. Mức sống là một yếu tố kinh tế rất quan trọng ảnh hưởng đến giáo dục, bởi nó quy định khả năng chi trả cho người đi học để họ có được những điều kiện cần thiết tham gia học tập (Dương Chí Thiệu, 2014, tr.73). Mức sống thấp do thu nhập thấp, nghèo đói là nguyên nhân trực tiếp cản trở cơ hội tiếp cận giáo dục của trẻ em (Bùi Kiều Anh, 2020). Thực tế cho thấy, tỷ lệ không nhỏ trẻ em không thể đến trường là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn của gia đình, càng ở cấp học cao thì tỉ lệ này càng gia tăng do chi phí cho giáo dục càng lớn. Các em phải bỏ dở việc học để đi làm, phụ giúp bố mẹ và nhường phần đi học cho các em nhỏ hơn trong nhà. Có thể nói, kinh tế gia đình nghèo khó là rào cản lớn đối với việc tiếp cận giáo dục của trẻ em.

Bất bình đẳng về kinh tế luôn là nguyên nhân của bất bình đẳng xã hội, trong đó có bất bình đẳng về cơ hội giáo dục. Vì vậy, để giải quyết vấn đề bất bình đẳng về cơ hội giáo dục, Nhà nước cần giải quyết triệt để vấn đề bất bình đẳng về kinh tế, mà trước hết là đảm bảo bình đẳng về cơ hội tiếp cận các nguồn lực kinh tế. Trong nền kinh tế thị trường, các đối tượng yếu thế (người nghèo, người dân tộc thiểu số ở vùng sâu vùng xa, người khuyết tật,...) ở vị thế bất lợi trong cạnh tranh. Vì vậy, để giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội phát triển kinh tế, Nhà nước cần có sự can thiệp vào quan hệ phân phối vì mục tiêu công bằng thông qua chiến lược phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Từ khi đổi mới đến nay, Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế ở những vùng kinh tế khó khăn, tuy nhiên, hiệu quả của các chính sách này chưa thật sự đạt được như mong muốn do những bất cập từ xây dựng đến thực thi chính sách. Đơn cử như chính sách xóa đói giảm nghèo, vẫn còn nhiều

bất cập từ khâu rà soát hộ nghèo, việc phân bổ ngân sách đến khâu chi tiền hỗ trợ trên thực tế. Điều này khiến cho các chính sách xóa đói, giảm nghèo trong nhiều trường hợp không đưa lại hiệu quả thiết thực. Hệ quả là giảm nghèo chưa bền vững, gia tăng bất bình đẳng về thu nhập (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.85). Điều kiện kinh tế gia đình khó khăn khiến cho nhiều người không thể theo học các bậc học cao hơn. Trình độ thấp do không được đào tạo không cho phép họ có được công việc ổn định với mức thu nhập cao. Đây dường như sẽ là vòng luẩn quẩn sẽ kéo dài qua nhiều thế hệ. Rõ ràng, việc giải quyết bất bình đẳng về kinh tế, tạo cơ hội bình đẳng cho mọi người tiếp cận các nguồn lực kinh tế là chìa khóa quan trọng để giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội giáo dục. Bình đẳng về cơ hội giáo dục sẽ là điều kiện để các cá nhân tận dụng các cơ hội phát triển.

5. Kết luận

Giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội giáo dục là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước trong đảm bảo phân phối công bằng cơ hội phát triển nhằm đạt tới mục tiêu công bằng xã hội và phát triển bền vững. Mặc dù Nhà nước Việt Nam đã thực hiện khá tốt vai trò của mình trong tạo dựng cơ chế phù hợp cho việc mở rộng cơ hội giáo dục cho mọi người không phân biệt giàu nghèo, dân tộc, tôn giáo, vùng miền... nhưng bất bình đẳng về cơ hội giáo dục vẫn đang tồn tại là trở ngại lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Để nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà nước trong nỗ lực giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội giáo dục, việc hoạch định, thực thi chính sách phát triển giáo dục phải luôn phải đi đôi với công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ và hiệu quả; đồng thời, các giải pháp nhằm giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội giáo dục cần được thực hiện đồng bộ với giải pháp phát triển kinh tế - xã hội nói chung.

Tài liệu tham khảo

- Rawls, J. (1999). *A Theory of Justice*. Revised Edition. Cambridge, Massachusetts: The Belknap Press of Harvard University Press, USA.
- Sen, A. (2000). *Development as Freedom*. New York: Publisher: Alfred A. Knopf.
- United Nations (2018). 17 Sustainable Development Goals. Lấy từ: <https://sdgs.un.org/goals>.
- Bảo Yến (30/07/2020). Quốc hội Việt Nam với nỗ lực hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững. Cổng thông tin điện tử Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Lấy từ: <https://quochoi.vn/uyban-vanhoagiaoducthanhvienthieunienvanhidong/tintuc/Pages/tin-hoat-dong.aspx?ItemID=478>.
- Bùi Thị Hòa (28/04/2020). Đảm bảo cơ hội cho phụ nữ dân tộc thiểu số tiếp cận và tham gia hiệu quả vào Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 06 (406), tháng 3/2020*.
- Dewey, J. (2010). *Dân chủ và giáo dục*. Hà Nội: Nxb Tri thức.
- Đào Thị Tùng (01/06/2018). Thực hiện chính sách giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên - những kiến nghị hoàn thiện. *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp. Số 11 (363) - tháng 6/2018*.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

- Đào Thị Minh Hương (2017). Bình đẳng tiếp cận giáo dục vì mục tiêu phát triển con người ở Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 2 (89), tr.3-14.
- Đào Thị Minh Hương (2019). Các hướng tiếp cận phát triển con người. *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 1 (100), tr.3-15.
- Đặng Thị Minh (2012). Quyền giáo dục: Tính thích ứng của hệ thống trong việc đảm bảo quyền – Từ một số hiện tượng thực tế được phản ánh qua truyền thông. *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 3 (60), tr.19-31.
- Đỗ Thiên Kính (2005). Bất bình đẳng về giáo dục tại Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Xã hội học*, số 1 (89), tr.48-55.
- Hong Anh Vu (29/09/2010). Báo Cáo Hiện trạng Bất Bình Đẳng Giới trong cộng đồng người dân tộc thiểu số. Lấy từ: <http://isee.org.vn/wp-content/uploads/2018/11/hien-trang-bat-binh-dang-gioi-trongcong-dong-nguoi-dan-toc-thieu-so..pdf>.
- Lê Thị Đan Dung (2011). Tính chủ thể và giáo dục ở Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 5 (56), tr.23-31.
- Lê Ngọc Hùng (2009). *Xã hội học giáo dục*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Lê Thị Đan Dung (2011). Tính chủ thể và giáo dục ở Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 5 (56), tr.23-31.
- Liên Hợp Quốc (2015). Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững
- Mai Thị Kim Thanh (2011). *Giáo trình nhập môn Công tác xã hội*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Thị Thanh Hương (2011). Các nguyên nhân của bất bình đẳng trong giáo dục hiện nay. *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 3 (54), tr.49-56.
- Nguyễn Xuân Mai & Trịnh Thái Quang (2013). Bất bình đẳng về cơ hội giáo dục ở Việt Nam. *Tạp chí Xã hội học*, số 4 (124), tr.60-72.
- Nguyễn Vũ Quỳnh Anh & Phạm Thu Hương (2017). Bất bình đẳng về giáo dục qua một số nghiên cứu. *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 5 (92), tr. 39 - 56.
- Nhóm Phân tích Kinh tế (Tuyển chọn và dịch) (2019). *Tuyển tập Bất bình đẳng*. Hà Nội: Nxb Tri thức.
- Quốc Hội (2013). Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Quốc Hội (2019). Luật Giáo dục 2019.
- Tổng cục Thống kê (2019). *Kết quả Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2018*. Hà Nội: Nxb Thống kê.
- Piketty, T., (2021). *Tư bản thế kỷ 21*. Hà Nội: Nxb Trẻ.
- UNESCOPRESS (ngày 22 tháng 6 năm 2010). *Đề hiểu về thuật ngữ giáo dục cho mọi người (Education for all – EFA). Vietnam Federation of UNESCO Associations*. Lấy từ: http://unescovietnam.vn/vnf/index.php?option=com_content&view=article&id=415:-hiu-v-thut-ng-giao-dc-cho-mi-ngi-education-for-all--efa&catid=59:k-nng&Itemid=183.